

Số: 52 / 2020/QĐST-HNGĐ

Yên Khánh, ngày 17 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm 10A, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình..

- Bị đơn: Anh Lê Anh Đ - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 10A, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Anh Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2013 cho anh Lê Anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Nguyễn Thị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Lê Anh Đ và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Anh Đ không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Anh Đ đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung (riêng), về công nợ và đất nông nghiệp vợ chồng không có, nay ly hôn chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002217 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh N
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung